BỘ NỘI VỤ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 2390/QĐ-BNV	Hà Nội, ngày 16 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20 tháng 5 năm 1957 ban hành Luật quy định quyền lập hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2017/NĐ-CP ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V, nhiệm kỳ 2018 - 2023 của Hội thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2018 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ (để báo cáo);
- Thứ trưởng Trần Anh Tuấn;
- Bộ Ngoại giao;
- Bộ Công An;
- Lưu: VT, TCPCP, PTG

KT.BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

BỘ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ (SỬA ĐỔI, BỔ SUNG)
HỘI HỮU NGHỊ VIỆT NAM - ĐỨC

(Phê duyệt kèm theo Quyết định số 2390/QĐ-BNV ngày 16/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức.

2. Tên rút ngắn tiếng Việt: Hội Việt - Đức.

3. Tên tiếng Đức: Die Vietnamesich - Deutsche Freundschaftsgesellschaft.

4. Tên viết tắt tiếng Đức: VDFG.

5. Tên tiếng Anh: The Vietnam - Germany Friendship Association.

6. Tên viết tắt tiếng Anh: VGFA.

7. Biểu tượng: Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức có biểu tượng riêng và được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

1. Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức (sau đây gọi là Hội) là tổ chức xã hội của công dân và tổ chức Việt Nam quan tâm hoặc có liên quan các hoạt động trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân với Cộng hòa liên bang Đức, tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên, hỗ trợ nhau tổ chức các hoạt động đối ngoại nhân dân Việt Nam - Đức có hiệu quả.

2. Mục đích hoạt động của Hội là góp phần vào việc tăng cường và mở rộng quan hệ đoàn kết, hữu nghị truyền thống, sự hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cộng hòa liên bang Đức; tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân Cộng hòa liên bang Đức đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân ta; củng cố và phát triển quan hệ hợp tác kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, giáo dục - đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch, y tế, bảo vệ môi trường giữa Việt Nam và Cộng hòa liên bang Đức vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật và Điều lệ Hội được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trụ sở Hội đặt tại nhà số 105A Quán Thánh, Ba Đình, Hà Nội. Hội có văn phòng đại diện ở một số địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội hoạt động trên phạm vi cả nước, trong lĩnh vực đối ngoại nhân dân, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân Cộng hòa liên bang Đức. Hội là thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ; sự quản lý về lĩnh vực hoạt động chính của Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.

2. Hiệp thương, dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.

3. Tự chủ kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.

5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II

QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

2. Giới thiệu, thông tin với nhân dân Cộng hòa liên bang Đức về Việt Nam nhằm tăng cường hiểu biết về đất nước, con người, lịch sử, văn hóa, những thành tựu xây dựng và bảo vệ đất nước của nhân dân Việt Nam; về chính sách đối nội, đối ngoại của Đảng và Nhà nước Việt Nam; về tình đoàn kết, hữu nghị giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Cộng hòa liên bang Đức.

3. Đại diện cho hội viên trong mối quan hệ đối nội, đối ngoại có liên quan chức năng, nhiệm vụ của Hội.

4. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp tôn chỉ, mục đích của Hội.

5. Tham gia chương trình, dự án hợp tác, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội.

6. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nội dung hoạt động của Hội, kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan đến sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động theo quy định của pháp luật. Được tổ chức đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và tổ chức các hoạt động dịch vụ khác.

7. Phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.

8. Thành lập pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật Việt Nam.

9. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu hợp pháp khác để tự trang trải kinh phí hoạt động theo quy định của pháp luật.

10. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật. Được Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam hỗ trợ kinh phí đối với những hoạt động của Hội gắn với nhiệm vụ được Liên hiệp giao cho Hội (nếu có).

11. Được gia nhập các tổ chức quốc tế và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định có liên quan tổ chức, hoạt động của Hội. Tổ chức Hội và hoạt động theo Điều lệ Hội đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Hoạt động của Hội không được làm phương hại an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phòng mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

3. Tổ chức và phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức nhân dân, các địa phương tiến hành các hoạt động nhằm phát triển quan hệ hữu nghị giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Cộng hòa liên bang Đức.

4. Xây dựng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các cơ quan đại diện ngoại giao và các cơ quan khác của Cộng hòa liên bang Đức tại Việt Nam, các tổ chức chính trị, các tổ chức xã hội, nhân sỹ các giới của Cộng hòa liên bang Đức thông qua các hoạt động giao lưu, hợp tác, trao đổi đoàn, sách báo, phim ảnh, hội nghị, hội thảo song phương, đa phương và các hoạt động khác.

5. Khuyến khích, hỗ trợ, tham gia làm cầu nối thúc đẩy phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác về kinh tế - thương mại, khoa học - công nghệ, giáo dục đào tạo, văn hóa, thể thao, du lịch, y tế, bảo vệ môi trường giữa các đối tác Việt Nam và Cộng hòa liên bang Đức.

6. Xuất bản tạp chí, chuyên san và các ấn phẩm tuyên truyền hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

7. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ của Hội.

8. Đại diện cho hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

9. Hòa giải tranh chấp, giải quyết khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

10. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hoạt động của Hội.

11. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo quy định của pháp luật.

12. Thực hiện các nhiệm vụ khác khi cơ quan có thẩm quyền yêu cầu.

Chương III
HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức và hội viên danh dự. Hội viên chính thức gồm hội viên tổ chức và hội viên cá nhân (sau đây gọi tắt là hội viên).

2. Hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Các cơ quan, doanh nghiệp Việt Nam; các hội ở các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thành lập theo quy định của pháp luật, tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, hoàn thành thủ tục đăng ký hội viên theo quy định thì được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, hoàn thành thủ tục đăng ký hội viên theo quy định thì được Ban Chấp hành Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội.

3. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên tổ chức: Tổ chức của Việt Nam có quan tâm hoặc liên quan đến hoạt động đối ngoại nhân dân với Cộng hòa liên bang Đức.

b) Hội viên cá nhân: Công dân Việt Nam có phẩm chất, bản lĩnh chính trị, có kinh nghiệm hoạt động đối ngoại, quan tâm hoặc có liên quan đến hoạt động đối ngoại nhân dân với Cộng hòa liên bang Đức.

4. Hội viên danh dự: Công dân Việt Nam tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện tham gia hoạt động Hội, tích cực ủng hộ, phối hợp, hỗ trợ cho công tác của Hội, được Ban Chấp hành Hội xem xét, chấp thuận là hội viên danh dự của Hội.

Điều 9. Quyền của Hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử các cơ quan, các chức danh lãnh đạo và Ban Kiểm tra Hội theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên.

8. Được rút khỏi Hội khi xét thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên danh dự có quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được lãnh đạo Hội phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí theo quy định của Hội.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên; thủ tục ra khỏi Hội

1. Cá nhân hoặc tổ chức có nguyện vọng tham gia Hội làm đơn xin gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định), hoàn thành thủ tục đăng ký hội viên và được Ban Chấp hành xem xét, quyết định kết nạp.

2. Khi có nguyện vọng ra khỏi Hội, hội viên làm đơn gửi Ban Chấp hành Hội xem xét, quyết định xóa tên trong danh sách hội viên.

3. Ban Chấp hành Hội xem xét khai trừ hội viên hoạt động trái với Điều lệ và Nghị quyết của Hội hoặc không sinh hoạt Hội trong 2 (hai) năm liên tục. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể nội dung, trình tự, thủ tục khai trừ hội viên ra khỏi Hội.

Chương IV

TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội.

2. Ban Chấp hành.

3. Ban Thường vụ.

4. Ban Kiểm tra.

5. Ban Thư ký.

6. Văn phòng và các ban chuyên môn.

7. Các tổ chức thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 5 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có trên 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành Hội hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được tổ chức hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức tham dự; Đại hội đại biểu được tổ chức, hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội:

a) Thảo luận và thông qua báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;

b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);

c) Thảo luận, góp ý kiến vào báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành, báo cáo của Ban Kiểm tra và báo cáo tài chính của Hội;

d) Bầu Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra Hội;

đ) Quyết định các nội dung khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành;

e) Thông qua Nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;

b) Các quyết định của Đại hội được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành, trừ quy định tại Điều 24 Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành Hội

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên của Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ Ban Chấp hành trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị và quyết định triệu tập Đại hội;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Hội;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; quy chế khen thưởng, kỷ luật; các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và quy định của pháp luật; xem xét, kết nạp hội viên, cho ra khỏi Hội, khai trừ và xóa tên hội viên;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, Ủy viên Ban Thường vụ; bầu bổ sung ủy viên Ban Chấp hành. Số ủy viên Ban Chấp hành bầu bổ sung không quá 1/3 (một phần ba) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo Quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp ít nhất 1 (một) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ Hội

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ trùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Thường vụ Hội:

a) Thay mặt Ban Chấp hành tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập cuộc họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo các tổ chức, đơn vị thuộc Hội;

d) Quyết định kế hoạch tài chính của Hội;

đ) Quyết định khen thưởng, kỷ luật.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ Hội:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ Hội mỗi năm họp ít nhất 2 (hai) lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín, việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ dự họp biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra Hội

1. Ban Kiểm tra Hội do Đại hội bầu. Trưởng Ban Kiểm tra do Ban Kiểm tra bầu trong số các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, giải quyết đơn, thư kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội.

3. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Kiểm tra ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là đại diện pháp nhân của Hội trước pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội được bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật, trước cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập Hội, cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực hoạt động chính của Hội, trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về mọi hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo Điều lệ Hội, Nghị quyết Đại hội, nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

c) Chủ trì các phiên họp Ban Chấp hành; chỉ đạo, chuẩn bị triệu tập và chủ trì các cuộc họp Ban Thường vụ;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội;

đ) Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội ủy quyền cho một Phó Chủ tịch chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội.

3. Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành Hội quy định.

Phó Chủ tịch là người giúp Chủ tịch Hội chỉ đạo, điều hành công tác Hội theo sự phân công của Chủ tịch Hội; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Hội và trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch Hội phân công hoặc ủy quyền. Phó Chủ tịch Hội thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng thư ký

1. Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ Hội. Tiêu chuẩn Tổng thư ký do Ban Chấp hành Hội quy định.

2. Tổng Thư ký chịu trách nhiệm trước Ban Thường vụ, Ban Chấp hành Hội trong việc tổ chức, điều hành công việc hàng ngày nhằm triển khai thực hiện các

nghị quyết của Đại hội, của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội. Tổng thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội phù hợp Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Chương V

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ

Điều 19. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật dân sự, quy định của pháp luật về hội, Nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội và các quy định pháp luật có liên quan.

Chương VI

TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 20. Tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính của Hội:

a) Nguồn thu của Hội:

- Hội phí của hội viên;

- Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;

- Nguồn tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;

- Hỗ trợ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam (nếu có);

- Các khoản thu hợp pháp khác.

b) Các khoản chi của Hội:

- Chi hoạt động thực hiện nhiệm vụ của Hội;

- Chi mua sắm phương tiện làm việc;

- Chi khen thưởng và các khoản chi khác theo quy định của Ban Chấp hành.

2. Tài sản của Hội:

Tài sản của Hội gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội, do các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội.

2. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể tổ chức hội được giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

Chương VII

KHEN THƯỞNG, KỶ LUẬT

Điều 22. Khen thưởng

1. Hội viên và các tổ chức thuộc Hội, có thành tích xuất sắc được Hội khen thưởng hoặc được Hội đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 23. Kỷ luật

1. Hội viên và các tổ chức thuộc Hội vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ, Quy chế hoạt động và các quy định của Hội thì bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: Khiển trách, cảnh cáo, khai trừ ra khỏi Hội. Các hội viên bị kỷ luật tự chịu trách nhiệm trước pháp luật.

2. Ban Chấp hành Hội quy định cụ thể thẩm quyền, quy trình xem xét, xử lý kỷ luật trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội

Chỉ có Đại hội của Hội có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được ít nhất 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức gồm 08 (tám) Chương, 25 (hai mươi lăm) Điều đã được Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V (nhiệm kỳ 2018 - 2023) của Hội thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2018 tại thành phố Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội, Ban Chấp hành Hội Hữu nghị Việt Nam - Đức có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn